

Số: 70/2023/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Đức L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Đức L thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh L và chị Đ có 01 con chung. Anh chị thoả thuận: Chị Lê Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Ngọc Ánh D, sinh

ngày 15/5/2021 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Nguyễn Đức L không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cùng chị Đ.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom con mà theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Anh L và chị Đ xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

đ. Về án phí: Chị Lê Thị Đ nhận chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2021/0002364** ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được nhận lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh